



shuāng rén chuáng

双人床

noun · double bed

Example Sentences

Wǒ men dìng le yī jiān yǒu shuāng rén chuáng de fáng jiān.
我们订了一间有双人床的房间。

We booked a room with a double bed.

Zhè zhāng shuāng rén chuáng hěn shū fu.
这张双人床很舒服。

This double bed is very comfortable.

Trace each character, then write the word on your own.

双双双双双双

人人人人人

床床床床床床床床床床